

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 -3 -2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hồ Thị Hiền và bà Lê Thị Thao

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 13-12-2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đỗ Thị T (tên gọi khác: Đỗ Hồng T), sinh năm 1982; ĐKKH: thôn ĐT, xã CA, huyện CG, tỉnh HD; cư trú: thôn XK, xã ĐC, huyện CG, tỉnh HD.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1979;

ĐKKHKT: thôn ĐT, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

Người làm chứng:

-. Bà Vũ Thị X, sinh năm 1956; cư trú: thôn ĐT, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

-. Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 2001; cư trú: thôn HX, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

Tại phiên tòa có mặt chị T; vắng mặt anh M, bà X, chị L (anh M xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn M tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng vào ngày 05-02-2001. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu, những năm sau thường hay

xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không tu chí làm ăn, thường xuyên gây sự với chị, một phần do tính cách vợ chồng trái ngược nhau, hay bất đồng về quan điểm. Quá trình chung sống đã nhiều lần vợ chồng sống ly thân, sau đó được hai bên gia đình động viên lại quay về với nhau nhưng chỉ được thời gian ngắn tiếp tục xảy ra cãi vã, to tiếng. Do không còn tình cảm, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Đức Chính từ tháng 10/2021; không còn liên lạc quan tâm đến anh M; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 10-11-2001 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 09-01-2020. Cháu L đã trưởng thành lập gia đình, chị không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu H và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: bản sao trích lục kết hôn; bản sao 02 Căn cước công dân mang tên Đỗ Thị T và Nguyễn Văn M; bản sao 02 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị Cẩm L và Nguyễn Văn H; Đơn đề nghị xác nhận ngày 20-10-2021; Đơn xin xác nhận nhân sự; bản sao sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Văn M;

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-02-2022 anh M xác nhận: đã nhận và biết tất cả các văn bản, thông báo của Tòa án về việc giải quyết ly hôn. Anh nhất trí ly hôn; đồng ý để chị T chăm sóc cháu H; về tài sản chung, nợ chung cũng không yêu cầu giải quyết; anh không có yêu cầu phản tố và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-02-2022 chị L xác nhận: bà T, ông M là bố mẹ đẻ của chị, giữa bố mẹ hay xảy ra xích mích; bố chị thường xuyên đánh mẹ chị mặc dù chị đã can ngăn. Bố mẹ chị đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay, bố chị không có thiện chí đón mẹ chị và không có ý mong muốn đoàn tụ. Nay mẹ chị làm đơn xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bố mẹ chị.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-3-2022 và ngày 17-02-2022, những người làm chứng đều xác nhận tình cảm vợ chồng chị T, anh M trong hai năm trở lại đây thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã và đã sống ly thân, không có ý định quay lại.

Tại Biên bản xác minh, Chính quyền địa phương UBND xã Cao An cung cấp: chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn M có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao An vào ngày 05-2-2001. Sau khi kết hôn, anh M, chị T sinh sống ở thôn ĐT và sinh được 02 con là Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 10-11-2001 và

Nguyễn Văn H, sinh ngày 09-01-2020. Kể từ khi chị T đi nước ngoài về thì vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, do không đề nghị địa phương hòa giải nên nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm được. Cuối năm 2021 chị T cho con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Đức Chính, hiện tại chỉ có mình anh M ở nhà riêng của vợ chồng. nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có ý xin xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Quan hệ hôn nhân: xử công nhận chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn;
- Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 09-01-2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con.
- Án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Đỗ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn M có đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú tại xã CA, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: anh M là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CA, huyện CG, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Đức Chính và anh chị sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Anh M biết việc Tòa án thụ lý đơn khởi kiện ly hôn, đã có quan điểm nhất trí ly hôn với chị T. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; việc chị T xin ly hôn và anh M nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: chị T anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 10-11-2001 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 09-01-2020. Cháu L đã thành niên và lập gia đình riêng nên anh chị đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh chị đã thống nhất sau khi ly hôn, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi cháu thành niên hoặc khi chị T và anh M có yêu cầu khác. Anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T

Về tài sản và nợ chung: chị T, anh M đều thống nhất không yêu cầu giải quyết;

[3] Về án phí: chị T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị T;

Về quan hệ tình cảm: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T (tên gọi khác Đỗ Hồng T) và anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 09-01-2020 đến

khi thành niên hoặc khi chị T và anh M có yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0002092 ngày 13-12-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo: chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng
- Dương sự;
- UBND xã Cao An để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. Hội Đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Thị Thúy